

Số: 89/2026/QĐST-VLĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 112/2026/TLST-LĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 89/2026/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông **Thạch Thanh D**, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: **Ấp B, xã T, Thành phố Cần Thơ**. Có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Công ty TNHH A**, địa chỉ: **Lô E, đường số D, KCN Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**. Vắng mặt.

2. **Bảo hiểm xã hội cơ sở B**; địa chỉ: **Số A, Đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động, bản tự khai trong quá trình giải quyết ông **Thạch Thanh D** trình bày:*

Do có nhu cầu thực hiện các thủ tục liên quan bảo hiểm xã hội, ông đã liên hệ và khi Bảo hiểm xã hội tiến hành rà soát thì phát hiện hồ sơ bảo hiểm của ông **D** bị trùng. Ông được **B1** thông báo thời điểm từ tháng 3/2010 đến tháng 5/2016 ông có làm việc tại **Công ty TNHH A**, công ty có thực hiện đóng bảo hiểm cho ông vào thời gian trên theo Sổ bảo hiểm số 7410103894.

Tuy nhiên, trên thực tế người ký kết và trực tiếp làm việc với **Công ty TNHH A** là một người khác (ông không biết thông tin và cũng không xác định là ai, và ông cũng chưa từng cho bất kỳ ai mượn giấy tờ cá nhân), vì khoảng thời gian nêu trên ông **D**

đang làm việc tại Công ty TNHH S (Việt Nam), công ty có thực hiện đóng bảo hiểm cho ông theo Sổ bảo hiểm số 7909244671.

Do đó, ông D yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Thạch Thanh D (do người khác ký kết và thực hiện) với Công ty TNHH A từ tháng 3/2010 - 5/2016 là vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH A: Quá trình tố tụng, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý việc lao động, Tòa án đã triệu tập Công ty để làm việc, cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động nhưng Công ty V không có lý do và không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của ông Thạch Thanh D.

* Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật; người yêu cầu chấp hành đúng quy định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông D là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH A đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không rõ lý do. Người yêu cầu ông D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 3/2010 - 5/2016 giữa người lao động tên Thạch Thanh D (do người khác ký kết) và Công ty TNHH A có ký hợp đồng lao động, công ty có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410103894. Tuy nhiên, người thực tế làm việc trong khoảng thời gian từ tháng 3/2010 - 5/2016 nêu trên tại Công ty TNHH A là một người khác mà ông D không biết. Trong khoảng thời gian này, ông D đang làm việc tại Công ty TNHH S (Việt Nam) và tham gia đóng bảo hiểm xã hội số 7909244671.

Như vậy, việc một người khác dùng giấy tờ cá nhân của ông D để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm các quy định trong xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

Khi nộp đơn, ông D có cung cấp văn bản Bảo hiểm xã hội trả lời thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông D bị trùng trong khoảng thời gian từ tháng 3/2010 đến tháng 5/2016.

Do đó, ông D yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động Thạch Thanh D (do người khác ký kết) và Công ty TNHH A từ tháng 3/2010 - 5/2016 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí sơ thẩm: ông **Thạch Thanh D** chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông **Thạch Thanh D**.

Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa tên **Thạch Thanh D** (do người khác ký kết) và **Công ty TNHH A** trong thời gian từ tháng 3/2010 - 5/2016 là vô hiệu.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động ông **Thạch Thanh D** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0018308 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16–TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊNHOẶP**

Trần Thị Hoa Hạnh